HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 127/2007/NQ-HĐND	*Việt Trì, ngày 12 tháng 12 năm 2007*

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình nâng cao trình độ công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2010, định hướng đến năm 2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2636/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Chương trình nâng cao trình độ công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và thảo luận.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua Chương trình nâng cao trình độ công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2015, với những nội dung chủ yếu sau:

I. Đánh giá thực trạng trình độ công nghệ và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh

Trong những năm qua, tỉnh Phú Thọ đã sớm đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, có tiềm năng; quy hoạch, xây dựng các khu, cụm công nghiệp tập trung, thu hút được một số doanh nghiệp có trình độ công nghệ tiên tiến. Nhiều doanh nghiệp đã đẩy mạnh đầu tư, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; trình độ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật được nâng lên; năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, vật liệu xây dựng có những chuyển biến rõ rệt, từng bước khẳng định và tăng

thị phần trên thị trường, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp liên tục tăng trưởng. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2006 tăng gấp 2,05 lần, tỷ trọng GDP tăng 1,3% so với năm 2001. Sản xuất công nghiệp đã có vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Tuy nhiên, trình độ công nghệ, năng lực cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp của tỉnh còn nhiều hạn chế: Số lượng doanh nghiệp tăng nhanh nhưng quy mô nhỏ; tốc độ đổi mới công nghệ chậm, trình độ công nghệ của đa số doanh nghiệp ở mức trung bình so với cả nước; ít doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến; chất lượng, sức cạnh tranh sản phẩm, hiệu suất sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu thấp, chi phí trung gian cao, ô nhiễm môi trường diễn ra phức tạp. Công tác thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ trong ngành công nghiệp còn nhiều bất cập, đầu tư công nghệ thấp, công nghệ lạc hậu còn xảy ra; công tác xác lập, thực thi quyền sở hữu trí tuệ chưa được chú trọng.

II. Chương trình nâng cao trình độ công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2015

1. Quan điểm.

- Đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp; tạo ra những sản phẩm hàng hóa có khối lượng lớn, giá thành hạ, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và đạt tiêu chí tỉnh công nghiệp vào năm 2020.

- Ưu tiên nâng cấp công nghệ, năng lực cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp có lợi thế; thu hút đầu tư các dự án lớn, công nghệ cao. Lấy nhập và chuyển giao công nghệ tiên tiến là chủ yếu, tập trung thay thế công nghệ thấp và trung bình; chú trọng phát triển công nghệ: Sinh học, tự động hóa, vật liệu mới; gắn đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ với bảo vệ môi trường.

- Kết hợp nâng cao trình độ công nghệ với tổ chức cơ cấu lại ngành công nghiệp; phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, có khả năng tiếp thu và làm chủ công nghệ mới, ưu tiên đào tạo ngoại ngữ, quản trị doanh nghiệp và luật pháp quốc tế.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư nâng cao trình độ công nghệ, năng lực cạnh tranh của sản phẩm; thực hiện nâng cấp công nghệ từng bước, từng bộ phận và vững chắc, gắn với tổ chức lại sản xuất, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến. Các doanh nghiệp phải coi nâng cao trình độ công nghệ, năng lực cạnh tranh sản phẩm là nhiệm vụ then chốt trong thời kỳ hội nhập.

2. Mục tiêu.

2.1 Mục tiêu đến năm 2010:

- Tốc độ đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp công nghiệp đạt từ

20%/năm trở lên, giá trị gia tăng ngành công nghiệp đạt từ 14 đến 15%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao chiếm từ 0,5 đến 01%, doanh nghiệp có trình độ công nghệ khá đạt từ 15 đến 20%, trung bình khá đạt từ 40 đến 45% (so với số doanh nghiệp hoạt động sản xuất công nghiệp);

- 100% doanh nghiệp lớn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của quốc tế và khu vực; các cơ sở công nghiệp xây dựng mới phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị hệ thống xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường (cơ sở công nghiệp lớn phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc chứng chỉ chất lượng môi trường ISO-14001);

- Tỷ lệ sản phẩm công nghiệp, vật liệu xây dựng được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đạt 65%;

- Số sản phẩm mang thương hiệu nổi tiếng: Từ 03 đến 04 sản phẩm;

- Số sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao: Từ 08 đến 10 sản phẩm.

2.2 Mục tiêu đến năm 2015:

- Tốc độ đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp công nghiệp đạt từ 20 đến 25%/năm;

- Tỷ lệ doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao đạt từ 02 đến 05%; công nghệ khá đạt từ 30 đến 35%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc chứng chỉ chất lượng môi trường ISO 14001: Từ 35 đến 40%;

- Tỷ lệ sản phẩm công nghiệp, vật liệu xây dựng được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp: Từ 80 đến 85%;

- Số sản phẩm mang thương hiệu nổi tiếng: Từ 06 đến 08 sản phẩm;

- Số sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao: Từ 13 đến 15 sản phẩm.

3. Nhiệm vụ trọng tâm.

3.1 Tiếp tục chuyển đổi, cơ cấu ngành công nghiệp:

3.1.1 Đối với những ngành công nghiệp có lợi thế: Chuyển đổi, cấu trúc lại cơ cấu, tập trung vào các ngành có lợi thế, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn:

- Công nghiệp chế biến nông lâm sản và thực phẩm: Ưu tiên đầu tư các dự án có công nghệ tiên tiến, từng bước loại bỏ công nghệ thấp; áp dụng công nghệ sinh học để tạo nguồn nguyên liệu đáp ứng yêu cầu của công nghiệp chế biến công nghệ cao; phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp chế biến lớn, công nghệ hiện đại.

- Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại; tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, công nghệ và thị trường để hợp tác đầu tư; nâng cấp công nghệ các doanh nghiệp đang hoạt động, hạn chế và chấm dứt hoạt động các doanh nghiệp có năng lực, trình độ công nghệ thấp.

- Công nghiệp dệt may, da giầy: Sắp xếp lại sản xuất, hình thành các cụm công nghiệp dệt may, da giầy phát triển theo hướng xuất khẩu; phát triển các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa, các dự án ở nông thôn; ưu tiên sản xuất các sản phẩm may, vải, sợi, thảm trải nền, giầy xuất khẩu các loại; tăng cường nghiên cứu thiết kế mẫu mã, quảng bá giới thiệu sản phẩm; chú trọng nhập thiết bị, ứng dụng công nghệ tiên tiến ở những khâu trọng yếu.

- Công nghiệp hóa chất và phân bón: Đầu tư chiều sâu, đi thẳng vào công nghệ hiện đại; từng bước đổi mới công nghệ, thiết bị của các doanh nghiệp lên ngang tầm trình độ tiên tiến trong khu vực; đa dạng các sản phẩm cung cấp cho thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu, chú trọng sản phẩm hoá chất có gốc sunphat, sunphit, phốt phát, florua, silicat vv...

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Ưu tiên đầu tư, nâng cấp công nghệ các cơ sở hiện có, từng bước loại bỏ công nghệ lặc hậu, gây ô nhiễm môi trường; nghiên cứu, sản xuất vật liệu xây dựng mới, công nghệ cao; tập trung sản xuất các sản phẩm xi măng, gạch ốp lát các loại, sứ vệ sinh, vật liệu xây, cát sỏi, thép xây dựng đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

3.1.2 Phát triển các ngành công nghiệp mới:

Phát triển các ngành công nghiệp: Cơ khí chế tạo; dược phẩm; điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin; công nghiệp phần mềm; sản xuất điện, kết cấu thép; thiết bị phi tiêu chuẩn, siêu trường, siêu trọng; máy công cụ nông nghiệp; vật liệu, đồ dùng gia đình cao cấp.

3.1.3 Định hướng triển khai:

- Xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp: Thụy Vân, Trung Hà vv...; quản lý chặt chẽ đất đai, đặc biệt là dọc tuyến đường Hồ Chí Minh và đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai; bố trí thoả đáng quỹ đất để di dãn dân, tái định cư và xây dựng các khu công nghiệp; tận dụng tối đa lợi thế hành lang và vành đai kinh tế trọng điểm để cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng sử dụng công nghệ cao, hiện đại:

+ Các cụm, khu công nghiệp dọc tuyến đường Hồ Chí Minh bố trí các ngành chế biến nông sản thực phẩm, đồ uống, cơ khí chế tạo, vật liệu xây dựng, kết cấu thép và dệt may;

+ Các khu công nghiệp tập trung dọc tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai bố trí các ngành sản xuất thép, kết cấu thép; thiết bị điện, điện tử; công nghệ thông tin; máy công cụ nông nghiệp; vật liệu xây dựng; lắp ráp ô tô xe máy, máy kéo, xe vận chuyển; động cơ diezen vv….

- Thu hút đầu tư nước ngoài từ các nước và vùng lãnh thổ nắm giữ công nghệ nguồn. Các khu công nghiệp tập trung và vùng phụ cận không bố trí các dự án sử dụng công nghệ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng hình thành khu liên hợp dịch vụ, đô thị.

3.2 Nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, cạnh tranh sản phẩm:

- Các doanh nghiệp đánh giá năng lực sản xuất, sức ép cạnh tranh cho từng sản phẩm, điều chỉnh tổ chức bộ máy, nguồn lực và quy mô sản xuất; ứng dụng công nghệ hiện đại, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, nâng cao trình độ quản trị kinh doanh, quản lý doanh nghiệp; xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm, văn hoá doanh nghiệp; đăng ký, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

- Ưu tiên phát triển công nghệ sinh học, công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm; công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá cơ điện tử và cơ khí chế tạo máy.

- Khuyến khích các doanh nghiệp cổ phần hoá, hợp tác, chia sẻ công nghệ, liên kết, gia nhập tập đoàn kinh tế lớn; thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp và lộ trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

3.3 Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ:

- Phát triển màng lưới, mở rộng quy mô đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề; phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học trên địa bàn; phát huy vai trò của các hiệp hội, tổ chức dịch vụ khoa học kỹ thuật trong việc tư vấn, phản biện và ứng dụng chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường cơ sở vật chất các trung tâm, chi cục, các phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm của nhà nước, tư nhân và của các doanh nghiệp lớn. Chuyển đổi, sắp xếp, tăng cường năng lực hoạt động, nghiên cứu chuyển giao của các đơn vị sự nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học.

3.4 Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm:

- Ưu tiên đầu tư các tuyến trục giao thông quan trọng; cải tạo hệ thống điện, hạ tầng công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, tài chính ngân hàng và hạ tầng khu công nghiệp; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn; áp dụng các công nghệ mới trong đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng; đầu tư gắn với quy hoạch.

- Chú trọng liên kết, hợp tác đầu tư với các tỉnh, giữa nhà nước và tư nhân.

4. Các giải pháp chủ yếu.

4.1 Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức:

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền phổ biến sâu rộng Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X), Chương trình hành động của Chính phủ, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; các nghị quyết, chương trình của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh về hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

- Nâng cao nhận thức về khoa học - công nghệ trong hội nhập kinh tế quốc tế (chú ý đối tượng cán bộ quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp); công khai, phổ biến, chuyển tải kịp thời các chính sách của Nhà nước, các kết quả nghiên cứu về khoa học - công nghệ đến nhân dân và doanh nghiệp.

4.2 Đổi mới và tăng cường công tác quản lý nhà nước:

- Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và công khai kết quả để doanh nghiệp biết và khắc phục. Tăng cường công tác thẩm định, giám định; công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ; công tác kiểm tra, giám sát việc nhập, chuyển giao công nghệ và đầu tư của doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, sản xuất các sản phẩm thuộc các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn.

- Thành lập các tổ chức tư vấn dịch vụ công, dịch vụ giám định công nghệ gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi các tổ chức khoa học - công nghệ; thực hiện cơ chế liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức khoa học - công nghệ và doanh nghiệp.

4.3 Phát triển thị trường khoa học - công nghệ, đổi mới công tác xúc tiến thương mại và đầu tư:

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Ứng dụng và Tư vấn chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đáp ứng nhu cầu thông tin của doanh nghiệp về khoa học công nghệ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, tham gia các chương trình liên kết ngành, liên kết vùng và phát triển công nghiệp phụ trợ. Phát triển các hiệp hội, ngành hàng của tỉnh và gắn với cả nước, tăng cường xúc tiến thương mại và phát triển thị trường.

- Cải thiện môi trường đầu tư, tiếp cận các tập đoàn kinh tế lớn, nắm giữ công nghệ nguồn; lựa chọn công nghệ tiên tiến thông qua các trung tâm tư vấn và doanh nghiệp dịch vụ khoa học - công nghệ.

4.4 Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

- Mở rộng và đa dạng hoá các loại hình đào tạo, huy động và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tăng cường xuất khẩu lao động.

- Chú trọng đào tạo chuyên gia về công nghệ, cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý doanh nghiệp, cán bộ làm công tác thẩm định, giám định và tư vấn chuyển giao công nghệ, các nhà quản lý khoa học - công nghệ có trình độ cao.

4.5 Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế:

- Khuyến khích liên kết, liên doanh trong sản xuất kinh doanh và hợp tác nghiên cứu, triển khai giữa các doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với các tổ chức

nghiên cứu khoa học - công nghệ.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ tranh thủ sự giúp đỡ về công tác quản lý, trợ giúp kỹ thuật và các nguồn tài trợ của nước ngoài cho các dự án đổi mới, nâng cao công nghệ.

4.6 Tăng cường vốn đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ:

- Huy động các nguồn vốn đầu tư cho đổi mới công nghệ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia thị trường chứng khoán; thành lập Quỹ phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới công nghệ cấp tỉnh; tăng cường Quỹ khuyến công; gắn đầu tư phát triển với đầu tư khoa học - công nghệ.

- Nguồn vốn thực hiện Chương trình nâng cao trình độ công nghệ, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007-2010, định hướng đến năm 2015: Từ 10.500 tỷ đồng đến 11.000 tỷ đồng. Trong đó giai đoạn 2007-2010 là 3.300-3500 tỷ đồng, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nâng cấp công nghệ, quảng bá giới thiệu sản phẩm: Từ 3.000 đến 3.200 tỷ đồng;

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng: Từ 250 đến 300 tỷ đồng (khu công nghiệp, điện, công nghệ thông tin);

+ Nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất các trung tâm kiểm định, thông tin, chuyển giao ứng dụng công nghệ: Từ 18 đến 20 tỷ đồng;

+ Đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học kỹ thuật: Từ 10 đến 12 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn: Doanh nghiệp: Từ 90 đến 92%; bộ, ngành trung ương hỗ trợ: Từ 05 đến 07%; ngân sách tỉnh: Từ 02 đến 03%.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết. Hàng năm và kết thúc từng giai đoạn tổ chức đánh giá thực hiện nghị quyết báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Ngô Đức Vượng (Đã ký)